

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 356/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23-11-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và Bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 395/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 285/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Th**, sinh năm 1994.

HKTT trước khi xuất cảnh: Khu Tr, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu Tr, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Vũ Thị Đ**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn NG, xã NG, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người được chị Th ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số A12 đường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Giang (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/10/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, cuộc sống hòa hợp, hạnh phúc. Đầu năm 2020 anh T sang lao động tại Nhật Bản, đến năm 2021 chị cũng sang Nhật Bản lao động cùng anh T. Trong thời gian ở nước ngoài anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xung đột. Bản thân anh chị và gia đình đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Vợ chồng không còn quan tâm với nhau, nay chị xác Đ tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Duy T theo quy Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Duy Anh Th, sinh ngày 23/3/2013, hiện đang ở cùng với mẹ đẻ chị Th. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Duy Anh Th, sinh ngày 23/3/2013 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Do hiện nay chị đang lao động tại nước ngoài nên chị đề nghị tạm giao con chung Nguyễn Duy Anh Th cho mẹ đẻ là bà Vũ Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị không ở tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn Duy Anh Th có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và bà ngoại.

Tại lời khai của bà Cao Thị Đ (mẹ đẻ của anh Nguyễn Duy T) thể hiện: Anh T hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng anh T thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Vợ chồng chị Th, anh T xảy ra mâu thuẫn do anh chị mỗi người ở một nơi và không có sự tin tưởng nhau. Bản thân bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Nay chị Th có đơn đề nghị ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy Đ pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, bà đã thông báo cho anh T biết. Anh T không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với qua điện thoại và xác Đ chị Th không chung thủy và không còn hướng về gia đình nên anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh T cũng nhất trí giao con chung cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng đồng thời tạm giao con chung cho mẹ đẻ chị Th là bà Vũ Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Th ở nước ngoài. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Vũ Thị Đ (mẹ đẻ của chị Lê Thị Th) thể hiện: Bà Đ nhất trí với sự ủy quyền của chị Th về việc nuôi con chung trong thời gian chị Th không có mặt tại Việt Nam, không yêu cầu chị Th, anh T cấp dưỡng cho

cháu Th và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Duy T kết hôn hợp pháp, thông qua gia đình địa phương nắm được vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau. Nay chị Th có đơn đề nghị ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các đương sự và quy Đ của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị Th và bà Vũ Thị Đ vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Anh Nguyễn Duy T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy Đ về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Lê Thị Th ly hôn anh Nguyễn Duy T. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy Anh Th, sinh ngày 23/3/2013 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị Th không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Duy Anh Th cho bà Vũ Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận Đ:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Th hiện sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, trong thời gian nghỉ phép về nước chị Th đã làm đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị và giấy ủy quyền. Các tài liệu này đều có chứng thực chữ ký tại Văn phòng công chứng Lê Dung, thành phố Hà Nội nên có đủ cơ sở khẳng Đ đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Th. Bị đơn anh Nguyễn Duy T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu Tr, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và gia đình bà Đ không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy Đ của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Đ vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh T biết việc chị Th đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh T biết. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai, chị Th, bà Đ có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều

228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy Đ của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Duy T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Giang (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 05/10/2012, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có sự tin tưởng nhau, thực tế vợ chồng mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm với nhau. Anh Nguyễn Duy T không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, anh T xác Đ chị Th không còn mong muốn xây dựng cuộc sống chung nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Duy T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lê Thị Th ly hôn anh Nguyễn Duy T là phù hợp với quy Đ tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Duy T có một con chung là Nguyễn Duy Anh Th, sinh ngày 23/3/2013. Xét về thực tế cháu Th đang ở cùng với bà ngoại là bà Vũ Thị Đ và có nguyện vọng ở cùng với chị Th. Chị Th có nguyện vọng được nuôi con và ủy quyền cho bà Đ nuôi cháu trong thời gian chị không ở tại Việt Nam. Anh T cũng nhất trí quan điểm của chị Th. Để đảm bảo sự ổn Đ và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho chị Lê Thị Th nuôi dưỡng con chung và chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chị Th không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Duy Anh Th cho bà Vũ Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu chị Th, anh T cấp dưỡng cho cháu Th. Nếu anh T có căn cứ cho rằng chị Th không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy Đ của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy Đ của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy Đ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị Th** ly hôn anh **Nguyễn Duy T**.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy Anh Th, sinh ngày 23/3/2013 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Th không yêu cầu anh Nguyễn Duy T cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Nguyễn Duy T thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian chị Lê Thị Th không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Duy Anh Th cho bà Vũ Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu chị Th, anh T cấp dưỡng cho cháu Th.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do anh Nguyễn Ngọc Tân đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001162 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th, anh Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Vũ Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn C, huyện C, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân